

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp 03 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp 03 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 147/TTr-SXD ngày 28/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp 03 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp 03 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Lạng Sơn.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn.

4. Mục tiêu đầu tư: đầu tư các khối nhà xây mới và cải tạo các khối nhà đã xuống cấp 03 Trung tâm y tế tuyến huyện nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn, đẩy mạnh về công tác chuyên môn, từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và dịch vụ kỹ thuật hiện đại về khám,

chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu chung của tỉnh.

5. Quy mô đầu tư xây dựng và các giải pháp thiết kế

5.1. Trung tâm y tế huyện Cao Lộc

a) Quy mô đầu tư

- Xây mới nhà hành chính, kết hợp điều trị nội trú 06 tầng với quy mô 35 giường bệnh; công trình có diện tích xây dựng 506,24 m², tổng diện tích sàn 3.037,44 m².

- Cải tạo, sửa chữa khu nhà B (gồm 02 khối nhà 03 tầng + 01 khối nhà 01 tầng) diện tích xây dựng 650,34 m², tổng diện tích sàn 3.490 m².

b) Các giải pháp thiết kế chủ yếu

- Xây mới nhà hành chính, kết hợp điều trị nội trú 06 tầng:

+ Giải pháp kiến trúc: công trình có mặt hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (44,8x11,3)m. Chiều cao công trình từ sân đến đỉnh mái 23,7 m, trong đó: chiều cao tôn nền 0,45 m, tầng 1 cao 4,2 m, từ tầng 2 đến tầng 6 cao 3,9 m. Mái bằng (sàn mái bê tông cốt thép). Giao thông trong nhà gồm 02 cầu thang bộ và 02 thang máy; hành lang trước nhà rộng 2,85 m và 01 sảnh chính, 02 sảnh phụ.

+ Giải pháp kết cấu: phần móng sử dụng móng cọc bê tông cốt thép mác 250, tiết diện (300x300)mm, chiều dài cọc (gồm 03 loại: P1=5 m, P2=10 m, P3=17 m), sức chịu tải đầu cọc $p = 50$ tấn, độ sâu thiết kế ép cọc đạt tải trọng 100-120 tấn; đài móng, giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 250. Phần thân có hệ cột, dầm, sàn toàn khối bằng bê tông cốt thép mác 250, sàn các tầng, sàn mái dày 12 cm. Tường bao che, tường ngăn xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75, dày 11 cm và 22 cm.

+ Giải pháp hoàn thiện nền, sàn nhà: nền tầng 1 lát gạch ceramic chống trơn (400x400)mm, sàn các tầng từ 2 đến 6 lát gạch ceramic (600x600)mm. Các khu vệ sinh lát gạch chống trơn (300x600)mm. Sàn mái lát gạch chống nóng (300x300)mm. Tường dầm, trần trát vữa xi măng cát mác 75, dày 15mm, sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước. Tường các khu vệ sinh ốp bằng gạch men (300x600)mm cao 2,5 m; bậc cầu thang, tam cấp ốp lát đá granite. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính dùng cửa kính khung nhôm hệ, kính dày 8,38 mm, sơn phủ chống cháy.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong nhà đồng bộ gồm: cấp điện, thông tin liên lạc, chiếu sáng, thông gió, cấp nước, thoát nước, chống sét, phòng cháy, chữa cháy và chống mối.

- Cải tạo, sửa chữa khu nhà B gồm các công việc: đục phá, trát và sơn mới toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà; tháo dỡ, lát mới toàn bộ nền, sàn trong nhà bằng gạch ceramic (600x600)mm, các khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn (300x600)mm; thay mới toàn bộ bằng cửa kính, khung nhôm; thay mới toàn bộ hệ thống trần nhà bằng trần thạch cao tấm thả; thay mới toàn bộ hệ

thông lan can cầu thang và thiết bị vệ sinh; lắp đặt mới hệ thống báo cháy tự động trong nhà.

5.2. Trung tâm y tế huyện Lộc Bình

a) Quy mô đầu tư

- Xây mới nhà điều trị nội trú 03 tầng, diện tích xây dựng 521,25 m², tổng diện tích sàn 1.563,75 m²; nhà nội trú 01 tầng, diện tích xây dựng 158,72 m² với tổng quy mô 70 giường bệnh. Xây mới nhà đại thể 01 tầng diện tích xây dựng 50,2 m².

- Cải tạo, sửa chữa nhà khoa truyền nhiễm, tư vấn điều trị nghiện 01 tầng, diện tích 203,5 m².

b) Các giải pháp thiết kế chủ yếu

- Xây mới nhà điều trị nội trú 03 tầng:

+ Giải pháp kiến trúc: công trình có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (34,75x18)m. Chiều cao công trình từ sân đến đỉnh mái 14,25 m, trong đó: chiều cao tôn nền 0,45 m, tầng 1 cao 4,2 m, tầng 2 và tầng 3 cao 3,9 m. Mái bằng (sàn mái bê tông cốt thép). Giao thông trong nhà gồm 02 cầu thang bộ, hành lang giữa nhà trục rộng 3 m; 01 sảnh chính, 02 sảnh phụ.

+ Giải pháp kết cấu: phần móng sử dụng móng cọc bê tông cốt thép mác 250, tiết diện (300x300)mm, chiều dài cọc P3 = 10 m, sức chịu tải đầu cọc p = 35 tấn, độ sâu thiết kế ép cọc đạt tải trọng 70 - 90 tấn; đài móng, giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 250. Phần thân có hệ cột, dầm, sàn toàn khối bằng bê tông cốt thép mác 250, sàn các tầng, sàn mái dày 12 cm. Tường bao che, tường ngăn xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75, dày 11 cm và 22 cm.

+ Giải pháp hoàn thiện: nền tầng 1 lát gạch ceramic chống trơn (400x400)mm; sàn tầng 2, tầng 3 lát gạch ceramic (600x600)mm. Các khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn (300x600)mm. Sàn mái lát gạch chống nóng (300x300)mm. Tường trong, ngoài nhà: tường, dầm, trần trát vữa xi măng cát mác 75, dày 15 mm, sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước. Tường các khu vệ sinh ốp bằng gạch men (300x600)mm cao 2,5 m; bậc cầu thang, tam cấp ốp lát đá granite tự nhiên. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính dùng cửa kính khung nhôm hệ, kính dày 8,38 mm, sơn phủ chống cháy.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong nhà đồng bộ gồm: cấp điện, thông tin liên lạc, chiếu sáng, thông gió, cấp nước, thoát nước, chống sét, phòng cháy, chữa cháy và chống mối.

- Xây mới nhà đại thể 01 tầng:

+ Giải pháp kiến trúc: công trình có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (10,04x5)m. Chiều cao công trình từ sân đến đỉnh mái 5,95 m, trong đó: chiều cao tôn nền 0,45 m, chiều cao tầng 3,9 m, chiều cao mái 1,7 m; mái chéo lợp tôn.

+ Giải pháp kết cấu: phần móng sử dụng móng băng bê tông cốt thép, bê tông lót mác 100, bê tông móng và giằng móng mác 250; giằng móng tiết diện

(300x500)mm. Phần thân có hệ cột, dầm, sàn nhà bằng bê tông cốt thép mác 250; hệ cột tiết diện (300x300)mm; sàn các tầng, sàn mái dày 12 cm. Tường bao che, tường ngăn xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75, dày 11 cm và 22 cm. Mái tôn gác trên hệ xà gồ thép hộp đặt trên tường thu hồi.

+ Giải pháp hoàn thiện: nền nhà lát gạch ceramic chống trơn (400x400)mm, sàn mái lát gạch chống nóng (300x300)mm; tường trong và ngoài nhà sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước; cửa đi, cửa sổ bằng gỗ.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong nhà đồng bộ gồm: cấp điện, thông tin liên lạc, chiếu sáng, thông gió, cấp nước, thoát nước, phòng cháy, chữa cháy và chống mối.

- Xây mới nhà nội trú 01 tầng:

+ Giải pháp kiến trúc: công trình có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (15,4x10,3)m. Chiều cao công trình từ sân đến đỉnh mái 5,85 m, trong đó: chiều cao tôn nền 0,55 m, chiều cao tầng 3,6 m, chiều cao mái 1,7 m; mái dốc lợp tôn.

+ Giải pháp kết cấu: phần móng sử dụng móng băng bê tông cốt thép, bê tông lót mác 100, bê tông móng và giằng móng mác 250; giằng móng tiết diện (300x500)mm. Phần thân có hệ cột, sàn nhà bằng bê tông cốt thép mác 250, tiết diện cột (250x300)mm, sàn mái dày 12 cm. Tường bao che, tường ngăn xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75, dày 11 cm và 22 cm. Mái tôn gác trên hệ xà gồ thép hộp đặt trên tường thu hồi.

+ Giải pháp hoàn thiện: nền nhà lát gạch ceramic (600x600)mm, nền khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn (300x600)mm, sàn mái lát gạch chống nóng (300x300)mm. Tường trong và ngoài nhà sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước. Cửa đi, cửa sổ bằng cửa kính, khung nhôm sơn phủ chống cháy.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong nhà đồng bộ gồm: cấp điện, thông tin liên lạc, chiếu sáng, thông gió, cấp nước, thoát nước, chống sét, phòng cháy, chữa cháy.

- Cải tạo, sửa chữa nhà khoa truyền nhiễm, tư vấn điều trị nghiện 01 tầng gồm các công việc: trát, sơn mới toàn bộ diện tích tường, dầm, trần trong nhà; tường trong khu vệ sinh ốp gạch granite (300x600)mm; sơn mới toàn bộ diện tích tường ngoài nhà; lát mới toàn bộ diện tích nền nhà bằng gạch ceramic (600x600)mm, nền khu vệ sinh lát gạch granite chống trơn (300x600)mm, bậc tam cấp lát đá granite; thay mới toàn bộ bằng cửa kính, khung nhôm hệ, kính dày 6,38 mm; thay mới toàn bộ thiết bị vệ sinh và mái tôn hiện trạng.

5.3. Trung tâm y tế huyện Bắc Sơn

a) Quy mô đầu tư

- Xây mới: nhà điều trị nội trú cao 06 tầng, diện tích xây dựng 637,35 m², tổng diện tích sàn khoảng 3.824,1 m² với quy mô 91 giường bệnh; nhà chứa lò đốt rác công suất 50 kg/h; bể nước ngầm dung tích 120 m³.

- Cải tạo, sửa chữa: nhà điều trị nội trú (nhà B) cao 02 tầng diện tích xây

dựng 1.204 m², tổng diện tích sàn 2.408 m²; sân bê tông diện tích 760 m².

- Bổ sung hệ thống báo cháy tự động cho các khối nhà hiện trạng gồm: nhà hành chính (nhà A), nhà điều trị nội trú (nhà B), nhà khám chữa bệnh (nhà C), nhà điều trị Methadone, nhà điều trị lọc thận, nhà điều trị khoa nhi.

b) Các giải pháp thiết kế

- Xây mới nhà điều trị nội trú cao 06 tầng:

+ Giải pháp kiến trúc: công trình có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (32,1x19,5)m. Chiều cao công trình từ sân đến đỉnh mái 22,05 m, trong đó: chiều cao nền 0,45 m, tầng 1 cao 3,9 m, các tầng (2, 3, 4, 5) cao 3,6 m; tầng 6 cao 3,3 m. Mái bằng (sàn mái bê tông cốt thép). Giao thông trong nhà gồm 02 khu cầu thang bộ, 02 thang máy; hành lang giữa nhà rộng 3,3 m và 02 sảnh phụ hai bên.

+ Giải pháp kết cấu: phần móng sử dụng móng cọc bê tông cốt thép mác 250, tiết diện (300x300)mm, chiều dài cọc 10 m, sức chịu tải đầu cọc $p = 50$ tấn, độ sâu thiết kế ép cọc đạt tải trọng 100 - 120 tấn; đài móng, giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 250. Phần thân có hệ cột, dầm, sàn toàn khối bằng bê tông cốt thép mác 250, sàn các tầng, sàn mái dày 12 cm. Tường bao che, tường ngăn xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75, dày 11 cm và 22 cm.

+ Giải pháp hoàn thiện: nền, sàn nhà các tầng trực (1-5) lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm; sàn tầng 6 (khu giặt là) lát gạch men kích thước (600x600)mm. Tường trong, ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 15 mm, sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa kính khung nhôm hệ, kính dày 6,38mm. Các khu vệ sinh lát nền, sàn bằng gạch ceramic chống trơn kích thước (300x600)mm; tường ốp bằng gạch men kích thước (300x600)mm cao 2,8 m. Hệ thống trần sử dụng trần nhôm tấm thả, khung xương kim loại.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong nhà đồng bộ gồm: cấp điện, thông tin liên lạc, chiếu sáng, thông gió, cấp nước, thoát nước, chống sét, phòng cháy, chữa cháy và chống mối.

- Nhà chứa lò đốt rác: công trình có mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (5x4)m; chiều cao nền 0,15 m; chiều cao nhà 5,85 m. Móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75. Tường xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75. Mái lợp tôn dày 0,4 mm đặt trên hệ xà gồ thép hộp kích thước (50x100)mm, dày 2 mm. Nền bê tông xi măng mác 200, dày 150 mm. Trát tường, dầm, trần bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 15 mm. Tường trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót, 02 nước phủ. Thiết bị lò đốt rác công suất đốt 50 kg/giờ.

- Cải tạo, sửa chữa:

+ Nhà điều trị nội trú 02 tầng: lợp mới toàn bộ hệ thống mái tôn hiện trạng bằng tôn sóng dày 0,4 mm; sơn mới toàn bộ hệ thống vì kèo, xà gồ hiện trạng bằng sơn chống gỉ 03 nước; quét chống thấm sê nô và phần mái không lợp

tôn bằng dung dịch flinkote; láng vữa xi măng cát mác 100, dày trung bình 30mm, tạo dốc thoát nước; sơn mới toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà bằng sơn tổng hợp 03 nước.

- Sân bê tông: phá dỡ lớp bê tông sân cũ và đổ mới toàn bộ sân có kết cấu sân từ trên xuống dưới gồm lớp bê tông xi măng mác 200, dày 120 mm; lớp bạt dứa chống thấm; lớp cát lót tạo phẳng dày 30 mm; nền đất tự nhiên.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và Quy hoạch đô thị - Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Thành Nam.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm: trong khuôn viên hiện trạng các khu đất của Trung tâm Y tế các huyện: Bắc Sơn, Cao Lộc và Lộc Bình.

- Diện tích đất thực hiện dự án:

+ Trung tâm y tế huyện Bắc Sơn: 9.225,3 m²;

+ Trung tâm y tế huyện Cao Lộc: 7.163,43 m²;

+ Trung Tâm y tế huyện Lộc Bình: 20.276,5 m².

8. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: dự án nhóm B, loại công trình dân dụng, cấp III.

9. Số bước thiết kế: 02 bước.

10. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- QCVN 02:2009/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- QCVN 22:2010/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện cho các thiết bị đầu cuối viễn thông.

- QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- QCVN 09:2017/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

- QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

- QCVN 02:2020/BCA Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm bơm nước

chữa cháy.

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

- QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng.

- QCVN 02:2012/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế.

- TCVN 4470:2012 Bệnh viện Đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9212:2012 Bệnh viện đa khoa khu vực - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4319:2012 Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế.

- TCVN 9632:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.

- TCVN 1651-2:2018 Thép cốt bê tông - Phần 2: Thép thanh vằn.

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá, cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 2737:2020 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9394:2012 Đóng và ép cọc - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 10304 : 2014 Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9393 : 2012 Cọc - Phương pháp thử nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.

- TCVN 9377:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 5687:2010 Thông gió, điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7447:2005-2066 Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà.

- TCVN 7447:2010-2015 Hệ thống lắp đặt điện hạ áp.

- Bộ tiêu chuẩn TCVN 7114:2008 Ergonomi - Chiếu sáng nơi làm việc.

- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà và công trình công cộng- Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207:2012 Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7958:2017 Thiết kế, lắp đặt hệ thống cáp thông tin trong các tòa nhà- Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 8238:2009 Mạng viễn thông - Cấp thông tin kim loại dùng trong mạng điện thoại nội hạt.

- TCVN 8698:2011 Mạng viễn thông - Cấp sợi đồng thông tin CAT.5, CAT.5E - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCXD 29:1991 Chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng - hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

- TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 33:2006 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế .

- TCXDVN 51:2008 Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài.

- TCVN 3254:1989 An toàn cháy - Yêu cầu chung.

- TCVN 2622:1995 Phòng chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 5040:1990 Thiết bị phòng cháy và chữa cháy - Ký hiệu hình vẽ trên sơ đồ phòng cháy - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 5738:2001 Hệ thống báo cháy tự động - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 3890:2009 Phương tiện phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra bảo dưỡng.

- TCVN 9310-8:2012 Phòng cháy chữa cháy - Tủ vừng - Thiết bị chữa cháy.

- TCVN 3991:2012 Tiêu chuẩn phòng cháy trong thiết kế xây dựng - Thuật ngữ và định nghĩa.

- TCVN 7958:2017 Bảo vệ công trình xây dựng - Phòng chống môi cho công trình xây dựng mới.

11. Tổng mức đầu tư 98.800.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 76.084.240.870 đồng;

- Chi phí thiết bị: 10.800.320.207 đồng;

- Chi phí quản lý dự án: 1.432.000.664 đồng;

- Chi phí tư vấn: 5.651.559.119 đồng;

- Chi phí khác: 1.015.230.145 đồng;

- Chi phí dự phòng: 3.816.648.995 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: năm 2022 - 2023.

13. Nguồn vốn đầu tư: ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tự tổ chức quản lý dự án.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Cao Lộc, Lộc Bình, Bắc Sơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Xuân Huyền